

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/5/2021.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Phước Lợi – kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T – Sinh năm 1979. HKĐKTT: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: 3/9 ấp TT, xã NB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim H – sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà H quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn. Sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 8/12/2011 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/10/2013 hiện bà H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông T bà H kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau từ năm 2013, nhận thấy tình cảm không còn, ông T yêu cầu ly hôn, bà H không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông T yêu cầu xin ly hôn với bà H là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 8/12/2011 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/10/2013 hiện bà H đang nuôi dưỡng, ông T đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành, bà H không có ý kiến phản hồi, nên để bà H nuôi con là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim H có nơi cư trú tại xã TM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2].*Về nội dung tranh chấp*

Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Kim H kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất với nhau về

lựa chọn nơi sinh sống nên thường xuyên xảy ra bất hòa, đến năm 2013 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, ông T yêu cầu ly hôn với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông T yêu cầu ly hôn và triệu tập bà H tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà H vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất nhau về lựa chọn nơi sinh sống, ông T thì sinh sống lại Trà Ôn, Vĩnh Long còn bà H sinh sống tại Chợ Mới, An Giang nên không còn chung sống từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T xin ly hôn bà H.

[3] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 8/12/2011 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/10/2013 hiện bà H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Thư, cháu Tuyền do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết bà H cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành.

[5] *Về quan hệ tài sản chung*: các bên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về quan hệ nợ chung*: Ông T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông T không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T xin ly hôn bà Lê Thị Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2011, ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Ủy ban

nhân dân xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Kim H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 8/12/2011 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/10/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ hai cháu là 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện từ 11/5/2021 cho đến khi con chung trưởng thành.

Bà Lê Thị Kim H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông T, bà H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Thanh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0006079 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22/02/2021.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

